

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch, Đồng Nai

MST: 3600477135

ĐT: 0613.560770 ~ 6 Fax: 0613.560778 ~ 9



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ II NĂM 2014

Nhơn Trạch, ngày 19 Tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH
KCN Nhơn Trạch I, Nhơn Trạch, Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
1.Mục lục	I
2.Bảng cân đối kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014	2 – 5
3.Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014	7 – 8
5.Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014	9 – 21

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 資產負債表

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND 單位: 越盾

TÀI SẢN 資產	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN 流動資產	100		260,259,383,285	227,871,958,425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền 貨幣資金	110	V.1	5,957,058,427	11,711,650,221
1. Tiền 現金	111		5,957,058,427	11,711,650,221
2. Các khoản tương đương tiền 約當現金	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 短期投資	120			
1. Đầu tư ngắn hạn 短期投資	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn 備抵短期證券	129			
III. Các khoản phải thu 應收款項	130		29,646,891,045	25,422,446,314
1. Phải thu của khách hàng 應收帳款	131	V.2	30,985,860,215	35,441,977,412
2. Trả trước cho người bán 預付款項	132	V.3	7,537,087,198	7,096,328,873
3. Phải thu nội bộ 應收內部單位	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng 依建築合同	134			
5. Các khoản phải thu khác 其他應收款項	138	V.4	9,523,047,449	1,283,243,846
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi 備抵呆帳	139	V.5	(18,399,103,817)	(18,399,103,817)
IV. Hàng tồn kho 存貨	140		214,350,262,989	181,263,655,892
1. Hàng tồn kho 存貨	141	V.6	229,376,809,269	196,290,202,172
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho 備抵存貨跌價損失	149	V.7	(15,026,546,280)	(15,026,546,280)
V. Tài sản ngắn hạn khác 其他流動資產	150		10,305,170,824	9,474,205,998
1. Chi phí trả trước ngắn hạn 短期預付費用	151	V.8	7,457,392,944	7,190,989,412
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 得扣抵之增值稅	152			565,488,084
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước 應收回稅款	154	V.9	712,061,794	673,218,968
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ 買賣政府債券的?	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác 其他流動資產	158	V.10	2,135,716,086	1,044,509,534

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN 資產	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
B- TÀI SẢN DÀI HẠN 長期資產	200		108,122,951,484	96,785,611,593
I. Các khoản phải thu dài hạn 長期應收款項	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng 應收客戶長期款項	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc 附屬單位經營資金	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ 應收內部長期款項	213			
4. Phải thu dài hạn khác 其他長期應收款項	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi 備抵長期應收呆帳	219			
II. Tài sản cố định 固定資產	220		96,550,883,941	88,851,017,279
1. Tài sản cố định hữu hình 有形固定資產	221	V.11	80,140,908,402	81,345,921,032
Nguyên giá 原價	222		291,000,371,119	291,359,780,254
Giá trị hao mòn lũy kế 累積折舊	223		(210,859,462,717)	(210,013,859,222)
2. Tài sản cố định thuê tài chính 固定資產-財政租賃	224			
Nguyên giá 原價	225			
Giá trị hao mòn lũy kế 累積折舊	226			
3. Tài sản cố định vô hình 無形資產	227			
Nguyên giá 原價	228			
Giá trị hao mòn lũy kế 累積攤銷	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 在建工程費用	230	V.12	16,409,975,539	7,505,096,247
III. Bất động sản đầu tư 投資不動產	240			
Nguyên giá 原價	241			
Giá trị hao mòn lũy kế 累積折舊	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn 長期投資	250			
1. Đầu tư vào công ty con 投入子公司	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh 投入聯結、聯營公司	252			
3. Đầu tư dài hạn khác 其他長期投資	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn 備抵長期證券	259			
V. Tài sản dài hạn khác 其他長期資產	260		11,572,067,543	7,934,594,314
1. Chi phí trả trước dài hạn 長期預付費用	261	V.13	11,572,067,543	7,934,594,314
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại 遞延稅款	262	V.14		
3. Tài sản dài hạn khác 其他長期資產	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN 資產合計	270		368,382,334,769	324,657,570,018

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN 負債與股東權益		Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ 流動負債	300			256,060,214,771	208,120,599,303
I. Nợ ngắn hạn 流動負債	310			179,721,574,771	132,378,359,303
1. Vay và nợ ngắn hạn 短期借款、貸款	311	V.15		69,745,002,621	51,471,017,275
2. Phải trả người bán 應付帳款	312	V.16		79,720,528,944	56,466,401,409
3. Người mua trả tiền trước 預收款項	313	V.17		13,052,819,980	11,328,541,139
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 應向政府繳納之稅捐	314	V.18		91,565,253	779,984,583
5. Phải trả người lao động 應付薪資	315	V.19		2,986,413,377	2,792,617,670
6. Chi phí phải trả 應付費用	316	V.20		2,376,367,790	8,922,379,585
7. Phải trả nội bộ 應付內部單位	317				
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng 依建築合同	318				
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác 其他短期應付款	319	V.21		11,748,876,806	617,417,642
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn 備抵短期應付款項	320				
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi 備抵短期應付款項	323				
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ 買賣政府債券的	327				
II. Nợ dài hạn 長期負債	330			76,338,640,000	75,742,240,000
1. Phải trả dài hạn người bán 應付供應商長期款項	331				
2. Phải trả dài hạn nội bộ 應付內部單位長期款項	332				
3. Phải trả dài hạn khác 其他長期應付款項	333	V.22			
4. Vay và nợ dài hạn 長期借款、貸款	334	V.23		76,338,640,000	75,742,240,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả 應付遞延稅款	335				
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm 備抵離職津貼	336				
7. Dự phòng phải trả dài hạn 備抵長期應付款項	337				
8. Doanh thu chưa thực hiện 未實現收入	338				
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ 科學、工藝發展基金	339				
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU 股東權益	400			112,322,119,998	116,536,970,715
I. Vốn chủ sở hữu 股東權益	410			112,322,119,998	116,536,970,715
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu 營業資金	411	V.24		90,478,550,000	90,478,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần 股份資金剩餘	412	V.24		829,809,325	829,809,325
3. Vốn khác của chủ sở hữu 投資者其他資金	413				
4. Cổ phiếu quỹ 股票	414	V.24		(18,309,325)	(18,309,325)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản 資產重估差額	415				
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái 匯兌差額	416	V.24			
7. Quỹ đầu tư phát triển 投資發展基金	417				
8. Quỹ dự phòng tài chính 儲備基金	418				
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 屬股東權益的其他基金	419				
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 未分配利潤	420	V.24		21,032,069,998	25,246,920,715
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 基礎工程投資資金	421				
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp 重新安排營業協助基金	422				
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác 其他經費-基金來源	430				
1. Nguồn kinh phí 經費來源	432				
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định 已形成固定資產	433				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN 負債與股東權益合計	440			368,382,334,769	324,657,570,018

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 表外科目

CHỈ TIÊU 項目	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài 租賃資產				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 代加工、管理的物資、商品				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 代銷品、承銷品				
4. Nợ khó đòi đã xử lý 已處理之呆帳	V.25		6,694,708,380	6,694,708,380
5. Ngoại tệ các loại 各類外幣:				
Dollar Mỹ (USD)			245,520.92	386,776.08
Euro (EUR)			789.00	
Dollar Singapore (SGD)				
Yên Nhật (¥)				
Dollar Úc (AUD)				
Bảng Anh (£)				
Dollar Canada (CAD)				
...				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng



HUNG KUANG CHING
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 損益表

Quý II/2014

Đơn vị tính: VND 單位: 越南盾

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2014	Lũy kế đến 30/06/2014	Quý 2/2013	Lũy kế đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 銷售、提供服務之收入	01	VI.1	93,693,502,005	156,631,257,457	109,024,813,270	183,423,235,856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu - 減項	03	VI.1	103,636	40,158,682	13,940,945	31,367,659
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 營業收入淨額	10	VI.1	93,693,398,369	156,591,098,775	109,010,872,325	183,391,868,197
4. Giá vốn hàng bán 銷售成本	11	VI.2	84,897,342,994	139,907,790,730	92,390,606,487	152,859,858,930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ 營業毛利	20		8,796,055,375	16,683,308,045	16,620,265,838	30,532,009,267
6. Doanh thu hoạt động tài chính 理財活動收入	21	VI.3	127,799,618	136,518,809	440,992,232	481,362,002
7. Chi phí tài chính 理財活動費用	22	VI.4	3,369,092,790	5,239,475,807	3,725,605,779	5,525,399,406
Trong đó: chi phí lãi vay 其中: 貸款利息	23		2,057,439,831	3,927,372,467	2,330,282,360	4,064,841,786
8. Chi phí bán hàng 銷售費用	24	VI.5	2,483,621,554	6,080,990,645	3,568,086,753	6,610,344,381
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp 管理費用	25	VI.6	3,787,560,147	7,119,892,839	3,027,271,434	11,260,155,870
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 營業利益	30		(716,419,498)	(1,620,532,437)	6,740,294,104	7,617,471,612
11. Thu nhập khác 營業外收入	31	VI.7	3,074,155,937	3,160,829,000	693,811,137	1,049,468,147
12. Chi phí khác 營業外費用	32	VI.8	5,583,225,039	5,755,147,280	540,365,039	543,846,969
13. Lợi nhuận khác 營業外利潤	40		(2,509,069,102)	(2,594,318,280)	153,446,098	505,621,178
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 稅前利益	50		(3,225,488,600)	(4,214,850,717)	6,893,740,202	8,123,092,790
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 現行所得稅費用	51	V.18			1,034,061,030	1,218,463,918
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 遞延所得稅費用	52	V.14				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 稅後純利	60		(3,225,488,600)	(4,214,850,717)	5,859,679,172	6,904,628,872
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 股息	70	VI.9	(356,55)	(465,91)	647,73	763,24



Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

HUNG KUANG CHING
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 現金流量表

(Theo phương pháp gián tiếp 依間接法)

Quý II/2014

Đơn vị tính: VND 單位: 越盾

CHỈ TIÊU 項目	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2014	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh 營業活動之現金流量				
1. Lợi nhuận trước thuế 稅前利潤	01		(4,214,850,717)	8,123,092,790
2. Điều chỉnh cho các khoản 調整事項:				
- Khấu hao tài sản cố định 固定資產折舊	02	V.11	845,603,495	7,783,208,360
- Các khoản dự phòng 備抵款項	03	V.7		12,560,743,760
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện 評估未清算的匯兌差額損益	04	VI.3, 4	1,189,652,674	1,132,668,850
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư 投資其他單位之損益	05		3,526,840,415	(7,738,432)
- Chi phí lãi vay 貸款利息	06	VI.4	3,927,372,467	4,064,841,786
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động 流動資金變動之營業利潤	08		5,274,618,334	33,656,817,114
- (Tăng), giảm các khoản phải thu 應收帳款之增、減	09		(4,789,006,025)	(14,710,158,083)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho 存貨之增、減	10		(33,086,607,097)	(24,681,881,381)
- (Giảm), tăng các khoản phải trả 應付帳款之增、減	11		31,924,948,603	21,986,782,908
- (Tăng), giảm chi phí trả trước 預付費用之增、減	12		(3,903,876,761)	(2,984,288,922)
- Tiền lãi vay đã trả 已償付的貸款利息	13		(7,972,743,622)	(2,914,295,186)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 已繳納之營業所得稅	14	V.18		(184,402,888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh 其他與經營活動有關的收現	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh 其他與經營活動有關的付現	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 營業活動的現金流量淨額	20		(12,552,666,568)	10,168,573,562
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư 投資活動之現金流量				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác 購置、建造固定資產及其他長期資產之款項				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác 購置、建造固定資產及其他長期資產之款項	21		(8,545,470,157)	(3,064,290,869)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác 處理、出售固定資產及其他長期資產之款項				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác 處理、出售固定資產及其他長期資產之款項	22		(3,535,812,955)	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác 買其他單位債務票據之款項				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác 買其他單位債務票據之款項	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác 賣其他單位債務票據之款項				
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác 賣其他單位債務票據之款項	24			
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác 投入其他公司的款項				
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác 投入其他公司的款項	25			
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác 收回投入其他公司的款項				
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác 收回投入其他公司的款項	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 取得分配之利潤、股利及借款利息的款項				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 取得分配之利潤、股利及借款利息的款項	27		8,972,540	7,738,432
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư 投資活動的現金流量淨額	30		(12,072,310,572)	(3,056,552,437)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU 項目	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2014	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính 理財活動的現金流量				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu 發行股票、股東入股的款項	31			
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành 向股東退股、購買營業所發行股票的款項	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được 已提款的長期、短期借款	33	V.15, 23	111,968,497,484	128,468,629,144
4. Tiền chi trả nợ gốc vay 已償付的借款本金	34	V.15, 23	(93,098,112,138)	(138,595,900,421)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính 償還財政租賃	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 為股東分配的股息、利潤	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính 理財活動的現金流量淨額	40		18,870,385,346	(10,127,271,277)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm 本年現金流量淨額	50		(5,754,591,794)	(3,015,250,152)
Tiền và tương đương tiền đầu năm 年初現金餘額	60	V.1	11,711,650,221	4,187,567,859
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 匯率比價變動之影響	61			(109,246,093)
Tiền và tương đương tiền cuối năm 年底現金餘額	70	V.1	5,957,058,427	1,063,071,614



LÊ THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2014

HUNG KUANG CHING
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng; xây dựng công trình dân dụng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trên 12 tháng.

Công trình showroom

Chi phí sửa chữa văn phòng để trưng bày sản phẩm được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 tháng đến 48 tháng.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD
31/03/2014 : 21.036 VND/USD
30/06/2014 : 21.246 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền mặt	75.409.959	3.575.962
Tiền gửi ngân hàng	5.881.648.468	11.688.197.219
Các khoản tương đương tiền		19.877.040
Cộng	<u>5.957.058.427</u>	<u>11.711.650.221</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Các khách hàng nước ngoài	3.830.509.327	10.670.240.687
Các khách hàng trong nước	27.155.350.888	24.771.736.724
Cộng	<u>30.985.860.215</u>	<u>35.441.977.412</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.369.296.336	4.752.425.780
Các nhà cung cấp trong nước	2.167.790.862	2.343.903.093
Cộng	<u>7.537.087.198</u>	<u>7.096.328.873</u>

4. Các khoản phải thu khác

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

5. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Hàng mua đang đi trên đường		
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	37.637.568.943	33.630.498.916
Công cụ, dụng cụ	377.719.648	377.719.648
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.961.854.198	5.920.774.938
Thành phẩm tồn kho	185.399.666.480	156.359.783.671
Hàng gửi đi bán		
Cộng	<u>229.376.809.269</u>	<u>196.290.202.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch.

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	30/06/2014	01/01/2014
Nguyên liệu và thành phẩm	<u>(15.026.546.280)</u>	<u>(15.026.546.280)</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	KC sang 242	30/06/2014
Tiền thuê đất	-	1,697,152,939	848.576.466		848.576.466
Công cụ dụng cụ	7,190,989,412	11.707.267.428	12.289.440.369		6.608.816.471
Chi phí khác					
Cộng	<u>7,190,989,412</u>	<u>13.404.420.367</u>	<u>7.023.662.909</u>		<u>7.457.392.944</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2014	75,994,048,216	210,773,235,387	3,990,383,054	602,113,597	291,359,780,254
Mua sắm mới	51.599.700	8.920.311.467	811.281.818		9.783.192.985
Thanh lý TSCĐ		10.142.602.120			10.142.602.120
Phân loại lại TSCĐ					
30/06/2014	<u>76.045.647.916</u>	<u>209.550.944.734</u>	<u>4.801.664.872</u>	<u>602,113,597</u>	<u>291.000.371.119</u>
Giá trị hao mòn					
01/01/2014	25,940,470,388	180,794,969,631	2,762,226,910	516,192,293	210,013,859,222
Khấu hao trong kỳ	1.396.065.591	3.982.580.919	130.956.740	21.880.319	5.531.483.569
Thanh lý, phân loại		4.685.880.074			4.685.880.074
30/06/2014	<u>27.336.535.979</u>	<u>180.091.670.476</u>	<u>2.893.183.650</u>	<u>538.072.162</u>	<u>210.859.462.717</u>
Giá trị còn lại					
01/01/2014	50,053,577,828	29,978,265,756	1,228,156,144	85,921,304	81,345,921,032
30/06/2014	<u>48.709.111.937</u>	<u>29.459.274.258</u>	<u>1.908.481.222</u>	<u>64.040.985</u>	<u>80.140.908.402</u>

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển sang chi phí trả trước	30/06/2014
Mua sắm TSCĐ	7,116,359,247	16.456.957.571	6.970.726.751	192.614.528	16.409.975.539
Cộng	<u>7,116,359,247</u>	<u>16.456.957.571</u>	<u>6.970.726.751</u>	<u>192.614.528</u>	<u>16.409.975.539</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiêu	01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	khác	30/06/2014
Công cụ, dụng cụ	7,488,316,869	6.658.838.505	2.919.884.167		11.227.271.207
Công trình showroom	446,277,445		101.481.109		344.796.336
Chi phí trả trước dài hạn khác					
Cộng	7,934,594,314	6.658.838.505	3.021.365.276	-	11.572.067.543

11. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn ngân hàng	58.272.162.621	36,535,457,275
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch⁽ⁱ⁾</i>	58.272.162.621	36,535,457,275
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	11.472.840.000	14.935.560.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch Chiyih Investment Co.,Ltd</i>	11.472.840.000	14.935.560.000
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i>		
Cộng	69.745.002.621	51.471.017.275

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch để mua nguyên vật liệu và thanh toán các chi phí hợp lý khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và thành phẩm tồn kho.

12. Phải trả cho người bán

	30/06/2014	01/01/2014
Các nhà cung cấp nước ngoài	28.065.758.427	17.087.532.049
Các nhà cung cấp trong nước	51.654.770.517	39.378.869.360
Cộng	79.720.528.944	56.466.401.409

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2014	01/01/2014
Các khách hàng nước ngoài	4.938.042.820	4.260.091.236
Các khách hàng trong nước	8.114.777.160	7.068.449.905
Cộng	13.052.819.980	11.328.541.141

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	30/06/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa		
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		
Thuế xuất, nhập khẩu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		718.943.639
Thuế thu nhập cá nhân	91.565.253	61.040.944
Các khoản thuế khác		
Cộng	91.565.253	779.984.583

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng như sau:

Hàng bán nội địa : 10%

Hàng xuất khẩu : 0%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472033000269 thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng cao với thuế suất 15% kể từ khi dự án đi vào hoạt động đến hết ngày 01 tháng 9 năm 2047. Ngoài ra Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động xây dựng công trình dân dụng với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	<u>30/06/2014</u>	<u>31/03/2013</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.214.850.717)	8.123.092.790
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
1. Các khoản điều chỉnh tăng		
1. Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(4.214.850.717)	8.123.092.790
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông		1.218.463.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	0	6.904.628.872

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

15. **Phải trả người lao động**
Tiền lương và các khoản phải trả người lao động.

16. **Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Chi phí bù bể vỡ, hỗ trợ khách hàng	892.869.575	2.084.066.637
Chi phí lãi vay phải trả	1.483.498.215	5.519.823.554
Chi phí khác		1.318.489.394
Cộng	2.376.367.790	8.922.379.585

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản thừa chờ xử lý	132.846.357	132.846.357
Kinh phí công đoàn	106.993.700	14.385.925
Bảo hiểm xã hội	136.557.144	63.494.950
Bảo hiểm y tế		
Phải trả khác	11.372.479.605	406.690.410
Cộng	11.748.876.806	617.417.642

18. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
Vay dài hạn ngân hàng		
Ông Chen Hui Zun ⁽ⁱ⁾	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina ⁽ⁱⁱ⁾		-
Vay dài hạn Chyih Investment Co., Ltd. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.338.640.000	59.742.240.000
Cộng	76.338.640.000	75.742.240.000

(i) Khoản vay 16.000.000.000 VND từ Ông Chen Hui Zun theo hợp đồng vay số 1208001-HĐVCN/2012 ngày 01/08/2012 với lãi suất 14.5%, lãi vay trả vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn vay 01/08/2012 đến 31/07/2017. Tiền vốn gốc trả một lần vào cuối thời hạn vay hoặc trả trước hạn khi công ty có điều kiện thanh toán.

(iii) Khoản vay Chyih Investment Co., Ltd. với lãi suất 3%/năm để bổ sung vốn hoạt động theo Hợp đồng CYI/TL/05/01 ngày 10 tháng 7 năm 2001 và Phụ lục hợp đồng PL/CYI/TL/05/01 ngày 12 tháng 5 năm 2009. Khoản vay này đã được xác nhận tại Công văn số 1644/CV-QLNH ngày 08 tháng 11 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công văn số 465/NHNN-DNA1 ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2013	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	15.635.338.904	106.925.388.904
Lợi nhuận trong kỳ				9.611.641.811	9.611.641.811
Giảm khác				(60.000)	(60.000)
31/12/2013	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	25.246.920.715	116.536.970.715
01/01/2014	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	25.246.920.715	116.536.970.715
Lợi nhuận trong kỳ				(4.214.850.718)	(4.214.850.718)
Giảm khác					
30/06/2014	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	21.032.069.998	112.322.119.998

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.047.855	9.047.855
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.430	1.430
- Cổ phiếu phổ thông	1.430	1.430
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.046.425	9.046.425
- Cổ phiếu phổ thông	9.046.425	9.046.425
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND	10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>30/06/2014</u>	<u>30/06/2013</u>
Tổng doanh thu	156.631.257.457	183.423.235.856
Các khoản giảm trừ doanh thu:	40.158.682	31.367.659
<i>Chiết khấu thương mại</i>		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	40.158.682	21.150.927
<i>Hàng bán bị trả lại</i>		10.216.732
Doanh thu thuần	<u>156.591.098.775</u>	<u>183.391.868.197</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu xuất khẩu</i>	53.286.164.630	110.766.759.269
<i>Doanh thu nội địa</i>	103.304.934.145	72.625.108.928

2. Giá vốn hàng bán

	<u>30/06/2014</u>	<u>30/06/2013</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	139.907.790.730	147.033.187.015
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Chi phí ngừng sản xuất		5.826.671.915
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	<u>139.907.790.730</u>	<u>152.859.858.930</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	30/06/2014	30/06/2013
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.972.540	7.738.432
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	122.000.285	401.498.071
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.545.984	72.125.499
Cộng	136.518.809	481.362.002
4. Chi phí tài chính	30/06/2014	30/06/2013
Chi phí lãi vay	3.927.372.467	4.064.841.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.311.652.959	1.225.470.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	450.381	235.087.177
Cộng	5.239.475.807	1.799.793.627
5. Chi phí bán hàng	30/06/2014	30/06/2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	1.122.566.960	1.063.712.212
Chi phí nhân công	858.496.714	566.410.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	32.803.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.467.281.284	4.070.184.574
Chi phí khác	632.645.687	877.233.457
Cộng	6.080.990.645	6.610.344.381
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30/06/2014	30/06/2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	875.144.167	336.238.991
Chi phí nhân công	3.991.132.745	2.099.937.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.674.435	331.706.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.028.398.410	1.548.268.221
Chi phí dự phòng	-	6.734.071.845
Chi phí khác	885.543.082	209.932.756
Cộng	7.119.892.839	11.260.155.870
7. Thu nhập khác	30/06/2014	30/06/2013
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.920.909.091	
Hoàn thuế nhập khẩu	806.400.212	501.902.575
Xử lý công nợ		
Thu nhập khác	433.519.697	827.105.696
Cộng	3.160.829.000	1.049.468.147

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>30/06/2014</u>	<u>30/06/2013</u>
Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	5.802.404	470.634.505
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	5.456.722.046	-
Chi phí khác	292.622.830	73.212.464
Cộng	<u>5.755.147.280</u>	<u>543.846.969</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>30/06/2014</u>	<u>30/06/2013</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.214.850.717)	6.904.628.872
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.214.850.717)	6.904.628.872
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.046.425	9.046.425
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(465.91)</u>	<u>763.24</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>30/06/2014</u>	<u>30/06/2013</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.592.903.176	145.877.509.802
Chi phí nhân công	21.518.529.370	17.127.120.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.888.962.801	7.780.608.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.773.462.641	16.817.496.431
Chi phí khác	1.577.465.249	1.129.732.759
Cộng	<u>186.351.323.237</u>	<u>188.732.468.120</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chi có Chyih investment Co., Ltd.

Trong quý Công ty phát sinh nghiệp vụ phân lãi vay phải trả như sau:

	<u>30/06/2014</u>	<u>30/06/2013</u>
Chyih investment Co., Ltd.	1.087.779.000	1.150.546.600
Ông Chen Hui Zun	1.159.999.998	1.159.999.998

Tại ngày 30/06/2014, công nợ với Chyih Investment Co., Ltd. như sau:

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Tiền lãi vay phải trả	1.290.164.882	5.517.653.720
Tiền cho vay phải trả	71.811.480.000	79.784.772.828

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại 30/06/2014, công nợ với Ông Chen Hui Zun như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
Tiền lãi vay phải trả	193,333,333	193,333,333
Tiền cho vay phải trả	16,000,000,000	16,000,000,000

VIII. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Trong quý 2/2014, Công ty lỗ 3.225.488.600 đồng, giảm so với cùng kỳ năm trước 9.085.167.772 đồng, quý 2/2013 lãi 5.859.679.172 đồng. Doanh số bán hàng giảm 15.331.311.265 đồng tương đương 14.06%, tuy nhiên giá vốn tương ứng giảm 8.11% do trong kỳ Công ty xử lý hàng tồn kho lô lẻ cho khách hàng bao tiêu. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 313.192.614 đồng do chênh lệch tỷ giá, bên cạnh đó chi phí tài chính giảm 356.512.989 do giảm chi phí lãi vay. Chi phí bán hàng giảm 1.084.465.199 đồng nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 760.288.713 đồng. Lợi nhuận khác giảm 2.662.515.200 đồng do công ty thanh lý trạm than hóa khí không còn sử dụng để chuyển sang sử dụng khí thiên nhiên.

IX. BÁO CÁO BÁN HÀNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (6 tháng đầu năm 2014)

DVT: Việt Nam đồng

Nước	DVT	Số lượng	Thành tiền USD	Thành tiền VND
Ấn Độ	m ²	2,363.04	19,409.11	408,676,346
Anh	m ²	5,339.52	39,238.56	826,203,331
Bỉ	m ²	4,147.20	24,898.20	524,254,095
Brunei	m ²	5,239.44	24,783.19	521,832,456
Campuchia	m ²	3,649.60	21,897.60	461,073,751
Đức	m ²	98,783.10	790,061.16	16,635,451,497
Hong Kong	m ²	27,345.60	164,359.14	3,460,730,181
Malaysia	m ²	16,175.58	76,595.50	1,612,787,452
Đài Loan	m ²	117,946.86	598,153.76	12,594,667,813
Thái Lan	m ²	55,539.24	428,305.11	9,018,351,039
Thổ Nhĩ Kỳ	m ²	10,544.80	91,418.68	1,924,902,899
Úc	m ²	25,752.07	158,112.54	3,329,202,376
Tổng cộng		372,826.05	2,437,232.55	51.318.133.236

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng



HUNG KUANG CHING
Tổng Giám đốc